

Số: ~~1113~~ /QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 19 tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc Tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1023/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Kết nối giao thông các tỉnh Miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á và Chính phủ Úc tài trợ (Tuyến nối Lai Châu với Cao tốc Nội Bài – Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 511 /TTr-TNMT ngày 13/7/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bảy (Bảy) – Cư trú tại: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 30.851.595 đồng.

(Bằng chữ: Ba mươi triệu tám trăm năm mươi một nghìn năm trăm chín mươi lăm đồng)

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:





- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Đông Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình bà Nguyễn Thị Bảy (Bảy) có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Đông Phong, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

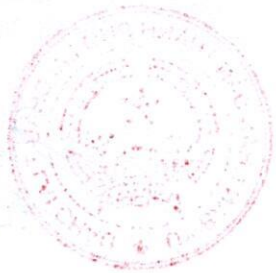
- Như Điều 2;
- Ban Quản lý dự án 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**





**BẢNG KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**

**Dự án: Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc  
(Tuyến nối Lai Châu với cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Khu vực thành phố Lai Châu).**

Kèm theo Quyết định số: 1113 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
<b>1</b>	<b>Hộ bà Nguyễn Thị Bảy (Bảy)</b>					
	Địa chỉ: Tổ 24, phường Đông Phong, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				<b>30.851.595</b>	
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>616.000</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	17,6			
2	Loại đất					
	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m <sup>2</sup>	17,6	35.000	616.000	
	Vị trí (VT1)					
	Nguồn gốc: Đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BQ 527 863; đất gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp					
<b>b</b>	<b>Về tài sản vật kiến trúc (Toàn bộ tài sản do bà Nguyễn Thị Bảy tạo lập vào năm 2012 trên phần đất nông nghiệp và đất thu hồi tại dự án trước; khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tài sản tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất, gia đình sử dụng ổn định không tranh chấp)</b>				<b>30.235.595</b>	
	<b>Phần tài sản nằm trên đất thu hồi mới</b>					
1	Nhà khung sắt lợp tôn chiều cao từ móng đến xà ngang 2,6m (3,52*5)	m <sup>2</sup>	17,6	486.200	8.557.120	
2	Tôn bùng (3,8*2)	m <sup>2</sup>	7,6	57.000	433.200	
3	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,52*5)	m <sup>2</sup>	18	83.600	1.471.360	
4	Tôn quây (3,8*0,7)*2	m <sup>2</sup>	5,3	57.000	303.240	
5	Nền BT đá dăm dày 10 cm (1,1*5)	m <sup>2</sup>	5,5	83.600	459.800	
6	Ống nhựa PPR Φ 20	m	4,0	27.400	109.600	
7	Bó bờ hoàn chỉnh	m	4,0	48.400	193.600	
	<b>Nằm trên đất đã thu hồi</b>					
1	Nhà khung sắt lợp tôn chiều cao từ móng đến xà ngang 2,6m (0,28*5)	m <sup>2</sup>	1,4	486.200	680.680	
2	Nền BT đá dăm dày 10 cm (0,28*5)	m <sup>2</sup>	1,4	83.600	117.040	
3	Tường xây gạch bi tường 12 cm (1*3,8)*2	m <sup>2</sup>	7,6	127.600	969.760	
4	Hàng rào sắt (3,8*2)*2 tính bằng hàng rào sắt liền trụ	m <sup>2</sup>	15,2	255.000	3.876.000	
5	Tấm đan BTCT (5*1*0,1)	m <sup>2</sup>	0,5	1.393.700	696.850	
6	Trụ công xây gạch bi (0,3*0,3*1,7)	m <sup>3</sup>	0,2	546.700	83.645	
7	Trát VXM không đánh màu (3,8*1,1)*4	m <sup>2</sup>	16,7	27.500	459.800	
	<b>Tài sản nằm trong phạm vi ảnh hưởng không sử dụng được</b>					





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
1	Nhà khung sắt lợp tôn chiều cao từ móng đến xà ngang 2,6m (3,3*5)	m <sup>2</sup>	16,5	486.200	8.022.300	
2	Tường xây gạch bi tường 12 cm (3,3*1,3)*2	m <sup>2</sup>	8,6	127.600	1.094.808	
3	Tôn bưng (3,3*2)*2	m <sup>2</sup>	13,2	57.000	752.400	
4	Nền BT đá dăm dày 10 cm (3,3*5)	m <sup>2</sup>	16,5	83.600	1.379.400	
5	Giá sắt hộp 4.4 dày 2 ly để hàng (3,3*1,2) Hỗ trợ di chuyển bằng cửa kính thủy lực	m <sup>2</sup>	4,0	145.200	574.992	



